

Số: 123/2022/QĐST-HNGĐ

N, ngày 31 tháng 08 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 133/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 06 năm 2022, giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà Vũ Thị H, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- **Bị đơn:** Ông Bùi Văn T, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn 1, xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào các Điều 147, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 29, 33, 35, 55, 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 08 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 8 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Vũ Thị H và Ông Bùi Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.2. Về tài sản chung: Các đương sự đã thoả thuận đề nghị Tòa án công

nhận như sau:

* Bà Vũ Thị H được sở hữu 01 con bò mẹ (07 năm tuổi) có giá trị là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Bà Hiền đã nhận bò.

* Ông Bùi Văn T được sở hữu 01 con bò cái (03 năm tuổi) có giá trị là 12.000.000 đồng và 01 con bê con (06 tháng tuổi) có giá trị là 5.000.000 đồng, tổng giá trị ông T được sở hữu là 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng). Ông T đã nhận bò.

(Bà H, ông T không phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho nhau).

2.3 Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí:

2.4.1. Án phí ly hôn sơ thẩm: Bà H nhận nộp cả theo quy định của pháp luật là 150.000 đồng. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0003611 ngày 02/06/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Trả lại cho bà H 150.000 đồng.

2.4.2. Án phí chia tài sản chung:

- Bà Hiền phải chịu là 250.000 đồng. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) bà Hiền đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0003612 ngày 02/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Trả lại cho bà H 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

- Ông T phải chịu là 425.000 đồng (Bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- UBND xã S;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Hương Quỳnh

